

TỈNH ỦY NINH BÌNH
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 16-NQ/TU

Ninh Bình, ngày 12 tháng 02 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về chiến lược phát triển kinh tế biển tỉnh Ninh Bình đến năm 2030,
tầm nhìn đến năm 2045

Sau sáp nhập, tỉnh Ninh Bình có không gian phát triển mới về biển với 89,45km bờ biển gồm 16 xã ven biển, dân số vùng khoảng gần 600.000 người. Khu vực có hệ sinh thái rừng ngập mặn, bãi triều, đầm lầy, 05 cửa sông lớn, nguồn lợi thủy sản phong phú, tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản, làm muối, du lịch sinh thái, năng lượng tái tạo và dịch vụ hậu cần nghề cá. Đặc biệt, Vườn quốc gia Xuân Thủy - Khu Ramsar đầu tiên của Việt Nam - có vai trò quan trọng trong bảo tồn đa dạng sinh học và môi trường vùng cửa sông. Thời gian qua, chủ trương phát triển vùng kinh tế biển đã được các cấp, các ngành tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đạt được những kết quả bước đầu: công tác quy hoạch được triển khai; hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư, nhất là giao thông, thủy lợi, khu - cụm công nghiệp; nhiều dự án lớn đã và đang được thực hiện góp phần nâng cao vị thế địa kinh tế, tạo diện mạo mới cho vùng ven biển. Công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên môi trường biển, ứng phó biến đổi khí hậu và quốc phòng - an ninh được quan tâm, đảm bảo.

Tuy nhiên, phát triển kinh tế biển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế, nhất là với không gian phát triển mới của tỉnh Ninh Bình sau sáp nhập; hệ thống kết cấu cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội chưa hoàn thiện, chưa tạo được sự kết nối đồng bộ với các địa phương trong khu vực; các sản phẩm du lịch biển chưa nổi bật. Nguyên nhân chủ yếu của các hạn chế do nguồn lực đầu tư còn nhiều hạn chế; nhận thức của các cấp, các ngành, địa phương, người dân và doanh nghiệp về vai trò, vị trí của phát triển kinh tế biển còn chưa đầy đủ; tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai gây thiệt hại lớn đến kinh tế và đời sống của Nhân dân khu vực ven biển; những điều này đặt ra yêu cầu mới, cấp thiết đối với phát triển kinh tế biển của tỉnh Ninh Bình trong tình hình hiện nay.

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

- Phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh của vùng ven biển, phát triển kinh tế biển trở thành động lực tăng trưởng mới, thúc đẩy cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ, trọng tâm là phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp đa ngành, cảng biển nước sâu và dịch vụ logistics, đô thị biển và dịch vụ du lịch

biển; nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản gắn với công nghiệp chế biến; nâng cao thu nhập, chất lượng đời sống Nhân dân vùng ven biển.

- Phát triển kinh tế biển theo hướng hiện đại, bền vững gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển tự nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Nghiên cứu các phương án lấn biển để thu hút đầu tư kết hợp xây dựng hệ thống đê kè để phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu.

- Phát triển kinh tế biển đi đôi với củng cố, đảm bảo quốc phòng, an ninh; giữ vững biên giới, chủ quyền biển đảo quốc gia.

II. MỤC TIÊU

1. Đến năm 2030

- Phát triển vùng kinh tế ven biển trở thành cực tăng trưởng khu vực Đông Nam của tỉnh; tạo sức lan tỏa, tăng cường liên kết phát triển với các vùng động lực khác trong tỉnh và khu vực.

- Cơ bản hình thành hệ thống cảng biển nước sâu, trung tâm logistics; phát triển các trung tâm dịch vụ, hậu cần nghề cá; cơ bản hoàn thiện hệ thống đê biển, trồng rừng thay thế, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu; phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng; hoàn thiện hạ tầng đô thị ven biển.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế biển và ven biển bình quân giai đoạn 2025 - 2030 đạt trên 11%/năm; tỷ trọng kinh tế biển và ven biển trong GRDP toàn tỉnh đạt trên 20%; tỷ lệ đô thị hóa khu vực ven biển đạt trên 50%.

- Các xã ven biển đạt tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo quy định của Trung ương; cơ bản không còn hộ nghèo khu vực ven biển vào năm 2030.

- 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn; 100% dân số ven biển được sử dụng nước sạch, trong đó tối thiểu 70% được cung cấp từ các hệ thống nước sạch tập trung.

- 100% xã ven biển đạt chuẩn "An toàn về an ninh trật tự"; 100% phương tiện khai thác thủy sản xa bờ được quản lý, giám sát hành trình theo quy định; không còn tình trạng vi phạm IUU.

- 100% tuyến đê biển chính được củng cố, nâng cấp đáp ứng yêu cầu ứng phó với nước biển dâng; cơ bản hoàn thiện tuyến đê biển mới theo quy hoạch lấn biển.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Đến năm 2045, vùng kinh tế ven biển Ninh Bình trở thành một trong các trung tâm kinh tế, đô thị, logistics biển trọng điểm của Bắc Bộ và cả nước. Có hệ thống kết

cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, hiện đại, kết nối giao thương hàng hóa, dịch vụ và văn hóa của vùng, cả nước và khu vực.

Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái có hiệu quả cao, hiện đại gắn với quá trình đô thị hóa, có cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ; phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hoá chất lượng cao, hiệu quả, bền vững góp phần quan trọng trong việc ổn định kinh tế - xã hội, gắn với phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và đảm bảo an ninh, quốc phòng.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Xây dựng, phát triển và mở rộng Khu kinh tế Ninh Cơ trở thành khu kinh tế ven biển tổng hợp, đa ngành, hiện đại; ưu tiên phát triển công nghiệp, logistics, dịch vụ cảng biển và đô thị ven biển, gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; tăng cường kết nối với các khu kinh tế ven biển vùng Bắc Bộ.

- Đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp hiện hữu; quy hoạch và phát triển mới các khu công nghiệp ven biển; mở rộng hành lang công nghiệp - dịch vụ biển gắn với Khu kinh tế Ninh Cơ; phát triển công nghiệp theo định hướng tăng trưởng xanh đồng thời đánh giá kỹ các tác động, ảnh hưởng của thiên tai, khí hậu vùng ven biển; xem xét lựa chọn, ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp chủ lực, phù hợp với điều kiện của vùng như công nghiệp đóng tàu, sản xuất thép, năng lượng tái tạo, cảng biển, logistics, công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản có giá trị cao, thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ và công nghệ cao, thân thiện môi trường.

- Cơ bản hình thành hệ thống đô thị ven biển phát triển theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với du lịch sinh thái, du lịch biển; khai thác hiệu quả, hợp lý không gian lấn biển, gắn với phát triển cảng nước sâu và các dịch vụ logistics, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế biển và liên kết vùng.

- Nghiên cứu, bổ sung quy hoạch và tập trung nguồn lực đầu tư hoàn thiện các tuyến giao thông kết nối đồng bộ các trung tâm kinh tế, đô thị và khu công nghiệp ven biển với hệ thống cao tốc, sân bay, đường sắt tốc độ cao và đường sắt đô thị, tuyến đường sắt ven biển Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh; phát triển các trục kết nối theo mô hình TOD, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế biển và liên kết vùng.

- Phát triển các ngành nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn, công nghiệp chế biến bảo quản, công nghiệp hỗ trợ, năng lượng sạch; chuyển từ nuôi trồng thủy sản theo phương thức truyền thống sang công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao; từ nuôi trồng gần bờ sang các vùng nước xa bờ; xây dựng, phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung lớn, có thương hiệu. Giảm khai thác gần bờ, đẩy mạnh khai thác xa bờ - viễn dương, đảm bảo khai thác bền vững; phát triển đội tàu theo hướng

hiện đại, đồng bộ, nâng cao năng lực vươn khơi bám biển; chống khai thác IUU, tăng cường giám sát tàu cá, bảo vệ, tái sinh nguồn lợi hải sản. Tập trung phát triển các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá, công nghiệp chế biến sâu.

- Phát triển du lịch sinh thái biển theo hướng bền vững, hài hòa giữa bảo tồn thiên nhiên, phát triển cộng đồng và khai thác giá trị di sản; xây dựng thương hiệu du lịch sinh thái Ramsar tầm khu vực, gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi hệ sinh thái và gìn giữ nguồn gen quý hiếm tại Vườn quốc gia Xuân Thủy; triển khai thị trường các-bon, phổ biến kiến thức về tín chỉ các-bon, hướng tới xuất khẩu.

- Chủ động triển khai các giải pháp đồng bộ ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; thực hiện lấn biển theo quy hoạch, gắn với củng cố, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống đê, kè biển; kết hợp trồng, phục hồi rừng phòng hộ ven biển nhằm bảo vệ bờ biển, giảm thiểu rủi ro thiên tai và bảo đảm phát triển bền vững.

2. Giải pháp chủ yếu

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển bền vững kinh tế biển

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền trong tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế biển.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền với nội dung và hình thức phong phú, thiết thực; nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của cả hệ thống chính trị về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của phát triển kinh tế biển; quyết tâm, nỗ lực thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đề ra.

2.2. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi phát triển kinh tế biển

- Xây dựng các cơ chế vượt trội, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế biển theo hướng đồng bộ, ổn định, minh bạch; tập trung thu hút các dự án có quy mô lớn, công nghệ cao, thân thiện môi trường, tạo động lực lan tỏa cho vùng ven biển.

- Rà soát, hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng, khoa học - công nghệ, nguồn nhân lực và chuyển đổi sinh kế cho người dân ven biển; tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, hợp tác xã và cộng đồng tham gia phát triển kinh tế biển bền vững.

2.3. Xây dựng, hoàn thiện, quản lý và thực hiện có hiệu quả quy hoạch

- Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế biển.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong đó có phát triển các ngành nghề kinh tế biển và tổ chức không gian biển.

- Tập trung hoàn thiện các quy hoạch trọng điểm của vùng. Định hướng không gian phát triển vùng, trung tâm là Khu kinh tế Ninh Cơ, hành lang kinh tế ven biển, hành lang dọc các tuyến sông, cửa sông. Định hình phát triển kinh tế là công nghiệp, dịch vụ; đô thị sinh thái, nghỉ dưỡng; nuôi trồng thủy sản.

2.4. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, ưu tiên nguồn lực đầu tư cho khu vực ven biển tạo động lực tăng trưởng mới cho tỉnh

- Ưu tiên bố trí và huy động đa dạng các nguồn vốn cho phát triển kinh tế biển, trong đó tăng cường nguồn lực từ ngân sách nhà nước, đồng thời đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư ngoài ngân sách, hợp tác công - tư và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư hạ tầng và các dự án trọng điểm ven biển.

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực cho kinh tế biển, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia, lao động kỹ thuật và lao động có tay nghề cao; gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn của các ngành, lĩnh vực kinh tế biển và yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

- Ưu tiên nguồn lực cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số trong lĩnh vực kinh tế biển; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ xanh, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành kinh tế biển.

2.5. Tập trung phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị đồng bộ, hiện đại, đảm bảo tỉnh kết nối

- Xây dựng hệ thống giao thông vận tải đồng bộ, hiện đại, tạo thành mạng lưới giao thông kết nối thuận lợi trong và ngoài tỉnh, kết nối với các trục giao thông trọng điểm quốc gia.

- Hình thành các khu kinh tế, đô thị ven biển hiện đại, quy mô lớn theo hướng phát triển đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó chuyên sâu về phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, nghỉ dưỡng.

- Nâng cấp hệ thống đê biển; nâng cấp hệ thống thủy lợi đảm bảo phục vụ sản xuất đồng thời đảm bảo yêu cầu về khả năng thoát lũ, chống xâm nhập mặn.

2. 6. Phát triển kinh tế biển thành cực tăng trưởng mới của tỉnh

- Tận dụng các thế mạnh của vùng, tập trung phát triển các ngành công nghiệp có thế mạnh; phát triển hợp lý các ngành công nghiệp góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Tiếp tục đẩy mạnh thu hút, đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp khu vực ven biển.

- Phát triển nhanh, đa dạng các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch; chú trọng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, trải nghiệm cộng đồng. Xây dựng các sản phẩm du lịch hấp dẫn, có tính cạnh tranh; các điểm du lịch gắn với văn hoá, tâm

linh, trải nghiệm...

- Đẩy mạnh phát triển hệ thống cảng biển, từng bước hình thành các chuỗi cung ứng vận tải biển, hoàn thiện hạ tầng logistics.

- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bảo vệ môi trường, nâng cao năng suất, hiệu quả, chất lượng và sức cạnh tranh.

2.7. Tăng cường các giải pháp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai

- Tăng cường quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường biển; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải từ khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cảng biển, nuôi trồng và khai thác thủy sản, dịch vụ du lịch ven biển. Đẩy mạnh quan trắc, giám sát môi trường biển; xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ về tài nguyên, môi trường và khí tượng thủy văn phục vụ quản lý, điều hành.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, phòng ngừa và ứng phó sự cố thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên biển. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng, doanh nghiệp về bảo vệ môi trường biển; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư trong giám sát, phản biện, tham gia bảo vệ tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường hợp tác liên vùng, liên tỉnh ven biển và hợp tác quốc tế trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, chia sẻ dữ liệu, kinh nghiệm và nguồn lực ứng phó biến đổi khí hậu.

2.8. Tăng cường bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ven biển

- Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế biển với củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc, giữ vững chủ quyền, an ninh biên giới biển, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Tiếp tục quán triệt, triển khai nghiêm túc các nghị quyết, chiến lược của Trung ương về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, bảo vệ biên giới quốc gia, phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam; kết hợp chặt chẽ giữa quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch không gian biển, quy hoạch khu kinh tế, cảng biển, khu công nghiệp ven biển với thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và thế trận biên phòng toàn dân.

- Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện; nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng quân sự, công an, biên phòng; tăng cường phối hợp tuần tra, kiểm soát, quản lý chặt chẽ vùng biển, cửa sông, cảng biển, khu kinh tế ven biển.

- Phát huy vai trò của ngư dân, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư ven biển trong tham gia bảo vệ chủ quyền, giữ gìn an ninh, trật tự trên biển. Tổ chức hiệu quả các mô hình tự quản về an ninh trật tự tại khu dân cư, tổ đội sản xuất trên biển; kết

hợp phát triển kinh tế biển với xây dựng lực lượng dân quân biển, lực lượng dự bị động viên, sẵn sàng huy động khi có tình huống. Chủ động phòng ngừa, xử lý kịp thời các vụ việc phức tạp, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh trật tự, tranh chấp đất đai, khiếu kiện đông người kéo dài.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện, xác định rõ nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc; phân công cụ thể và chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết.

2. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, tuyên truyền, xây dựng kế hoạch cụ thể hóa, triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết. Phát huy cao độ sự đồng thuận xã hội, vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân nhằm sớm đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống.

3. Đảng ủy ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành chương trình, đề án, kế hoạch để cụ thể hóa, tổ chức thực hiện Nghị quyết với lộ trình, nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, các ngành, đảm bảo thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và yêu cầu đề ra; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết.

4. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tăng cường lãnh đạo, vận động các tổ chức thành viên, đoàn viên, hội viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chấp hành chủ trương của Đảng, phát huy vai trò, trách nhiệm tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đề ra.

5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, hướng dẫn việc tuyên truyền và quán triệt thực hiện Nghị quyết. Các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy, ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy căn cứ chức năng, nhiệm vụ thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết; kịp thời báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư, (để báo cáo)
- Các Ban xây dựng Đảng Trung ương, ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương, (để báo cáo)
- Các đồng chí ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, ủy ban MTTQ tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Đặng Xuân Phong